TAND HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2019/HS-ST
Ngày 05/7/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Triệu Vĩnh Thái.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đàm Sông Hương.

2. Ông La Văn Chinh.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 05/7/2019, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2019/ TLST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-HS ngày 10/5/2019 đối với các bị cáo:

1 - Tráng A D sinh ngày: 05/6/1979, tại huyện M, tỉnh Y.

Nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện V, tỉnh L.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Lớp 1/12;

Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Tráng A D1, sinh năm 1946; con bà: Giàng Thị M, sinh năm 1946.

Vợ Lù Thị S, sinh năm 1981, bị cáo có 05 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2011. Hiện đều trú tại xã K, huyện V, tỉnh L.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/3/2019 đến nay - Có mặt.

2 - Tráng A C (tên gọi khác Tráng A Đ) sinh ngày: 12/6/1983, tại huyện M, tỉnh Y.

Nơi cư trú: Thôn N, xã K, huyện V, tỉnh L.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Lớp 5/12;

Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Tráng Sái L (đã chết); con bà: Thào Thị S, sinh năm 1950.

Vợ Giàng Thị S, sinh năm 1990, bị cáo có 05 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2018. Hiện đều trú tại xã K, huyện V, tỉnh L.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/3/2019 đến nay - Có mặt.

3 - Tráng A T sinh ngày 10/7/1988, tại huyện M, tỉnh Y.

Nơi cư trú: Thôn N, xã K, huyện V, tỉnh L.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Không biết chữ.

Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Tráng A S, sinh năm 1966; con bà: Vàng Thị D, sinh năm 1967; Vợ Hờ Thị L, sinh năm 1989, bị cáo có 04 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2016. Hiện đều trú tại xã K, huyện V, tỉnh L.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/3/2019 đến nay - Có mặt.

4 - Tráng A G, sinh ngày 05/8/1993, tại huyện V, tỉnh L.

Nơi cư trú: Thôn N, xã K, huyện V, tỉnh L.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Lớp 5/12.

Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Tráng A C (đã chết); con bà: Lý Thị L, sinh năm 1976.

Vợ Phàng Thị T, sinh năm 1998, bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2018. Hiện đều trú tại xã K, huyện V, tỉnh L.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/3/2019 đến nay - Có mặt.

5 - Đặng Kim T, sinh ngày 08/12/1986, tại huyện V, tỉnh L.

Nơi cư trú: Thôn Í, xã G, huyện V, tỉnh L.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12.

Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Đặng Y P, sinh năm 1965; con bà: Bàn Thị M, sinh năm 1966.

Vợ Phùng Thị C, sinh năm 1987, bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2008. Hiện đều trú tại xã G, huyện V, tỉnh L.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/3/2019 đến nay - Có mặt.

** Người bào chữa cho các bị cáo* Tráng A C và Đặng Kim T: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1993 - Trợ giúp viên, trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L - Vắng mặt có lý do.

** Người bào chữa cho các bị cáo* Tráng A T, Tráng A G: Bà Lương Thị C, sinh năm 1991 - Trợ giúp viên, trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L - Có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Lù Thị S, sinh năm 1981 - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã L, huyện V, tỉnh L.

2. Chị Giàng Thị S, sinh năm 1990 - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện V, tỉnh L.

** Người làm chứng:*

Anh Đặng Kim V, sinh năm 1989 - Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Í, xã G, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 18 giờ 30 phút ngày 12/3/2019, tổ công tác Công an huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai đang làm nhiệm vụ tại thôn T, xã H, huyện V phát hiện Đặng Kim T - sinh ngày 08/12/1986, trú tại thôn Í, xã G, huyện V - đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave S biển kiểm soát 24V1 - 001.96, đi theo hướng từ xã H đi xã N có biểu hiện phạm tội về ma túy. Tổ công tác yêu cầu dừng xe và kiểm tra, phát hiện thu 04 bao tải xác rắn, bên trong các bao tải nêu trên đều

đựng cây có rễ, thân, lá, quả mầu xanh. Đặng Kim T khai nhận là cây, quả thuốc phiện. Tổ công tác lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ, niêm phong vật chứng.

Đến 21 giờ cùng ngày có Tráng A G - sinh ngày 05/8/1993, Tráng A T - sinh ngày 10/7/1988, Tráng A C - sinh ngày 12/6/1983 đều trú tại thôn N, xã K, huyện V và Tráng A D - sinh ngày 05/6/1979 trú tại thôn K, xã L, huyện V đến Công an huyện Văn Bàn đầu thú và khai nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy cùng với Đặng Kim T.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 09 giờ ngày 11/3/2019, Tráng A D đang ở nhà thì có một người gọi điện xưng tên là C ở thôn M, xã N, huyện V nói có cây thuốc phiện muốn bán. Tráng A D đồng ý mua mục đích để ngâm rượu. Sau đó Dơ đi ra trung tâm xã L, huyện V gặp và dủ Tráng A T đi mua cây thuốc phiện; Tráng A T gặp và dủ Tráng A C đi mua cây thuốc phiện; Tráng A C gặp và dủ Tráng A G đi mua cây thuốc phiện. Chiều cùng ngày 11/3/2019 Tráng A C, Tráng A G, Tráng A D, Tráng A T đèo nhau trên 02 xe mô tô từ xã L lên thôn M, xã N để mua cây, quả thuốc phiện. Khi đi các bị cáo mang theo các bao tải xác rắn để đựng cây quả Thuốc phiện, trên đường đi C gọi điện cho Đặng Kim T hỏi có biết ai mua cây thuốc phiện không nhưng T nói không biết. Đến nơi khoảng 21 giờ, Tráng A D gọi điện thoại cho C, C ra dẫn mọi người đến một ngôi nhà ở trên đồi. Tại đây C lấy ra một nắm cây thuốc phiện tươi (có rễ, thân, lá và quả mầu xanh) cho mọi người xem, trao đổi và thống nhất giá bán 230.000đ/kg, sau đó tất cả ăn cơm và đi ngủ. Đến khoảng 23 giờ, C dẫn Tráng A T lên đồi cách nhà khoảng 02km đến nơi cất giấu cây thuốc phiện để xem và cân số cây thuốc phiện còn D, G, C ngủ ở nhà. Đến nơi C nói với Tráng A T loại cây to, quả to bán giá 250.000đ/kg, còn loại cây nhỏ, quả nhỏ bán giá 230.000đ/kg T đồng ý. Sau đó cân rễ, thân, lá, quả loại cây quả to là 53kg, loại cây quả nhỏ là 10kg. Tổng số tiền phải trả là 16.675.000đ, sau đó quay về nhà ngủ. Đến khoảng 03 giờ ngày 12/3/2019 tất cả cùng thức dậy, Tráng A T nói số tiền phải trả cho C là 16.675.000đ và trực tiếp trả cho C 8.000.000đ trong đó có 2.000.000đ là tiền của Tráng A C, 1.000.000đ của Tráng A G, Tráng A D trả cho C số tiền 8.600.000đ và xin bớt số tiền còn thiếu 75.000đ. Nhận tiền xong C dẫn T, D, C, G đi đến nơi cất giấu cây thuốc phiện và cùng nhau cho số cây thuốc phiện gồm rễ, thân, lá, quả tươi mầu xanh vào các bao tải xác rắn mang theo và bọc kín thành 04 bọc. Sau đó Tráng A D, Tráng A T, Tráng A C, Tráng A G mỗi người gùi vác một bao tải theo đường rừng đi về thôn Í, xã G, huyện V.

Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, Tráng A C gọi điện thoại thuê Đặng Kim T chở 04 bao tải cây thuốc phiện từ thôn Í, xã G về xã K với giá 500.000đ. Khoảng 08 giờ có một người tên T1 (không rõ địa chỉ) gọi điện thoại cho T hỏi mua cây thuốc phiện với giá 500.000đ/kg nên T đã gọi điện lại cho C bảo có người hỏi mua cây thuốc phiện. C nói lại với D, T, G nhờ T bán cây thuốc phiện giúp giá 500.000đ/kg, tất cả đồng ý. Khoảng 12 giờ ngày 12/3/2019, khi đến đầu thôn Í, C gọi điện cho T đi xe mô tô lên chở 04 bao tải đựng cây thuốc phiện về trước rồi quay lại đón C và T về cất 04 bao tải đựng cây thuốc phiện vào gian bếp nhà T.

Sau đó có một người phụ nữ đi cùng một người đàn ông đến giới thiệu tên là H (vợ T1), đến để kiểm tra và cân cây, quả thuốc phiện tươi trong 04 bao tải được 68kg, người phụ nữ và người đàn ông đi về. T1 gọi điện thoại cho T hẹn gặp nhau ở khu vực C cách thị trấn K khoảng 02km để trao đổi việc mua bán, địa điểm giao

cây, quả thuốc phiện tươi. T1 hứa với T sau khi mua bán xong sẽ cho T 1.000.000đ là tiền công. Trao đổi xong, T gọi điện cho C bảo chở cây thuốc phiện ra thôn A, xã G. C và T chất 04 bao tải đựng cây, quả thuốc phiện lên xe thồ hàng nhãn hiệu YAMAHA, lúc này có em trai T là Đặng Kim V - sinh năm 1989, trú tại thôn Í, xã G đến chơi nên C nhờ V điều khiển xe mô tô chở 04 bao tải cây, quả thuốc phiện xuống thôn A, xã G. Khi đi được khoảng 02km thì gặp T, V trả xe chở 04 bao tải đựng cây thuốc phiện cho T rồi đi xe của mình về nhà. T đi xe chở 04 bao tải đựng cây thuốc phiện lên đồi ở đầu thôn A, xã G rồi T, T, G, C mỗi người vác một bao tải đựng cây thuốc phiện đi theo đường đồi xuống thôn A, xã G, còn D đi xe máy xuống thôn A, xã G đợi. Trên đường đi T và T1 thống nhất giao cây thuốc phiện tại đường vào thủy điện xã H.

Khoảng 18 giờ ngày 12/3/2019, Đặng Kim T cùng Tráng A G, Tráng A C, Tráng A T mang 04 bao tải đựng cây thuốc phiện đến thôn A, xã G, T gặp Tráng A D rồi đi xe mô tô BKS 24V1 - 001.96 của D chở 04 bao tải cây, quả thuốc phiện điều khiển theo hướng từ xã H đi xã N. Đến khoảng 18 giờ 30 phút khi đến thôn T, xã H, huyện V, Đặng Kim T bị tổ công tác Công an huyện Văn Bàn bắt quả tang.

Tại bản Kết luận giám định số 79/GĐMT ngày 14/3/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai, kết luận: Số cây có thân, lá, quả mầu xanh có cả rễ thu giữ của Đặng Kim T là cây thuốc phiện tươi. Tổng khối lượng của cây, thân, lá, quả xanh có cả rễ là 65,90kg, trong đó khối lượng thân, lá, rễ là 52,50kg và khối lượng quả thuốc phiện tươi là 13,40kg.

Tại bản cáo trạng số 27/CT-VKS ngày 12/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai truy tố các bị cáo Tráng A D, Tráng A C (tên gọi khác Tráng A Đ), Tráng A T, Tráng A G, Đặng Kim T ra trước Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn để xét xử về tội: "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo điểm m khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Đặng Kim T, Tráng A G, Tráng A T, Tráng A C (tên gọi khác Tráng A Đ), Tráng A D phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*.

Áp dụng điểm m khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự xử:

* Về trách nhiệm hình sự: - Hình phạt chính:

+ Xử phạt bị cáo Tráng A C (tên gọi khác Tráng A Đ) từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù.

+ Xử phạt bị cáo Tráng A D từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù.

+ Xử phạt bị cáo Đặng Kim T từ 07 năm tù đến 07 năm 06 tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo Tráng A T từ 07 năm tù đến 07 năm 06 tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo Tráng A G từ 07 năm tù đến 07 năm 06 tháng tù.

- Hình phạt bổ sung: Không.

* Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 6,90kg quả thuốc phiện tươi; 36,50kg thân, lá, rễ cây thuốc phiện tươi còn lại sau giám định đã thu giữ của bị cáo Đặng Kim T.

- Đề nghị tịch thu 1/2 trị giá xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave S BKS: 24V1 - 001.96 (kèm theo 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Tráng A D) là phương tiện

phạm tội thu giữ của Tráng A D sung Ngân sách nhà nước. Trả lại cho chị Lù Thị S 1/2 trị giá xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave S biển kiểm soát 24V1 - 001.96.

+ Đề nghị tịch thu 1/2 trị giá xe mô tô nhãn hiệu ESPERO biển kiểm soát 24V1 - 106.55 (kèm theo 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Tráng A C) là phương tiện phạm tội thu giữ của Tráng A C sung Ngân sách nhà nước. Trả lại cho chị Giàng Thị S 1/2 trị giá xe môtô nhãn hiệu ESPERO BKS: 24V1 - 106.55.

* Tại phiên tòa người bào chữa cho các bị cáo Tráng A T, Tráng A G đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm m khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình:

- Xử phạt bị cáo Tráng A T mức thấp nhất của khung hình phạt là 07 năm tù và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Tráng A T mức thấp nhất của khung hình phạt là 07 năm tù và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Vì các bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật hạn chế; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi có hành vi phạm tội đã ra đầu thú; gia đình các bị cáo thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo của xã.

* Người bào chữa cho các bị cáo Tráng A C, Đặng Kim T vắng mặt tại phiên Tòa có gửi bản bào chữa cho các bị cáo có nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm m khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Tráng A C mức thấp nhất của khung hình phạt là 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Đặng Kim T mức thấp nhất của khung hình phạt là 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Vì các bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật hạn chế; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo C sau khi có hành vi phạm tội đã ra đầu thú; Bị cáo T có ông nội có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được nhà nước tặng thưởng Huân chương; gia đình các bị cáo thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo của xã.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Khoảng 09 giờ ngày 11/3/2019, Tráng A D đang ở nhà thì có một người gọi điện xưng tên là C ở thôn M, xã N, huyện V nói có cây thuốc phiện muốn bán. Tráng A D đồng ý mua với mục đích để ngâm rượu. Sau đó D dủ Tráng A T, Tráng A C, Tráng A G cùng đi mua cây, quả thuốc phiện. Chiều cùng ngày 11/3/2019 Tráng A C chở Tráng A G, Tráng A D chở Tráng A T từ xã L lên thôn M, xã N mang theo các bao tải xác rắn để đựng cây, quả thuốc phiện. Đến nơi khoảng 21 giờ, Tráng A D gọi điện thoại cho C, C ra dẫn mọi người đến một ngôi nhà ở trên đồi. Tại đây C trao đổi và thống nhất giá bán 230.000đ/kg cây, quả thuốc phiện tươi, sau đó tất cả ăn cơm và đi ngủ. Đến khoảng 23 giờ, C dẫn Tráng A T lên đồi cách nhà khoảng 02km đến nơi cất giấu cây, quả thuốc phiện tươi để xem và cân số cây, quả thuốc phiện tươi. Đến nơi C nói với Tráng A T loại cây, quả thuốc phiện tươi to bán giá 250.000đ/kg, còn loại cây, quả thuốc phiện tươi nhỏ bán giá 230.000đ/kg T đồng ý. Cả hai cân rễ, thân, lá, quả

thuốc phiện tươi loại cây, quả to là 53kg, loại cây, quả nhỏ là 10kg. Tổng số tiền phải trả là 16.675.000đ, sau đó quay về nhà ngủ. Đến khoảng 03 giờ ngày 12/3/2019 tất cả cùng thức dậy, Tráng A T nói số tiền phải trả cho C là 16.675.000đ và trực tiếp trả cho C 8.000.000đ trong đó có 2.000.000đ là tiền của Tráng A C, 1.000.000đ của Tráng A G góp, Tráng A D trả cho C số tiền 8.600.000đ và xin bớt số tiền còn thiếu 75.000đ. Tổng cộng T, D trả cho C 16.600.000đ. Nhận tiền xong C dẫn T, D, C, G đi đến nơi cất giấu cây thuốc phiện và cùng nhau cho số cây thuốc phiện gồm rễ, thân, lá, quả tươi vào 04 bao tải xác rắn và bọc kín. Sau đó Tráng A D, Tráng A T, Tráng A C, Tráng A G mỗi người gùi vác một bao tải theo đường rừng đi về thôn Í, xã G.

Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, Tráng A C gọi điện thoại thuê Đặng Kim T chở 04 bao tải cây, quả thuốc phiện tươi từ thôn Í, xã G về xã K với giá 500.000đ, T đồng ý. Khoảng 08 giờ có một người tên T1 gọi điện thoại cho T hỏi mua cây, quả thuốc phiện tươi với giá 500.000đ/kg nên T đã gọi điện lại cho C bảo có người hỏi mua cây, quả thuốc phiện tươi. C nói lại với D, T, G nhờ T bán cây, quả thuốc phiện tươi giúp giá 500.000đ/kg, tất cả đồng ý. Khoảng 12 giờ ngày 12/3/2019, khi đến đầu thôn Í, C gọi điện cho T đi xe mô tô lên chở 04 bao tải đựng cây, quả thuốc phiện tươi về cất vào bếp nhà T. T1 gọi điện thoại cho T hẹn gặp nhau ở khu vực C cách thị trấn K khoảng 02km để trao đổi việc mua bán cây, quả thuốc phiện tươi. Gặp nhau T1 hứa xong việc sẽ cho T thêm 1.000.000đ tiền công. Khoảng 18 giờ ngày 12/3/2019, Đặng Kim T dùng xe mô tô BKS 24V1 - 001.96 của D chở 04 bao tải xác rắn cây, quả thuốc phiện tươi di chuyển qua xã H về hướng xã N, huyện V để đến nơi giao cây, quả thuốc phiện tươi cho T1 như đã thỏa thuận. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 12/3/2019 khi đi đến thôn T, xã H, huyện V Đặng Kim T bị tổ công tác Công an huyện Văn Bàn bắt quả tang thu giữ 04 bao tải bên trong là các cây thuốc phiện gồm thân, lá, quả tươi có cả rễ.

Như vậy, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Đặng Kim T, Tráng A G, Tráng A T, Tráng A C, Tráng A D phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm m khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, vai trò của các bị cáo cụ thể như sau: Bị cáo Tráng A D là người khởi xướng đi mua cây, quả thuốc phiện tươi, bị cáo Tráng A C là người khởi xướng việc bán cây, quả thuốc phiện tươi và cùng tích cực thực hiện việc mua bán cây, quả thuốc phiện tươi nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm chính với vai trò người thực hành. Các bị cáo Tráng A G, Tráng A T cùng tham gia trao đổi, bàn bạc, thống nhất việc mua bán cây, quả thuốc phiện tươi, bị cáo Đặng Kim T trực tiếp trao đổi và đi bán cây, quả thuốc phiện tươi nên các bị cáo này phải chịu trách nhiệm đồng phạm với vai trò là người thực hành.

[2] Hội đồng xét xử đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo: Hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm trực tiếp đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy. Các bị cáo hiểu rõ ma túy là loại độc dược nguy hiểm ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Là người chồng, người cha trong gia đình nhưng các bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, không làm ăn lương thiện làm gương cho con cái noi theo, mà mua

bán ma túy để kiếm lời. Nên xét cần có một hình phạt thật nghiêm khắc để cải tạo giáo dục các bị cáo thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[3] Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Đặng Kim T có ông nội có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được nhà nước tặng thưởng Huân chương. Bị cáo Tráng A D có bố đẻ tham gia dân công hỏa tuyến được cấp giấy chứng nhận; sau khi có hành vi phạm tội các bị cáo Tráng A C, Tráng A T, Tráng A G, Tráng A D ra đầu thú. Gia đình các bị cáo Đặng Kim T, Tráng A C, Tráng A T, Tráng A G thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo của xã. Bị cáo Tráng A D sống bằng nghề trồng trọt, bản thân không có tài sản gì. Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số một phần nhận thức hạn chế, các bị cáo T, C, G, T sống ở vùng đặc biệt khó khăn của các xã trong huyện V. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo và không áp dụng dụng hình phạt bổ sung để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[5] Về vật chứng**:** - Đối với khối lượng của cây, thân, lá, quả mầu xanh có cả rễ là 65,90kg, trong đó khối lượng thân, lá, rễ là 52,50kg và khối lượng quả thuốc phiện tươi là 13,40kg thu giữ của Đặng Kim T cơ quan điều tra gửi giám định, cơ quan giám định lưu mẫu 6,50kg quả tươi và 16,0kg thân, lá mầu xanh có cả rễ nên không đề cập giải quyết. Còn lại 6,9kg quả thuốc phiện tươi và 36,5kg thân, lá mầu xanh có cả rễ cây thuốc phiện cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave S, biển kiểm soát 24V1 - 001.96 và 01 giấy đăng ký xe mô tô số 004388 mang tên Tráng A D là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước, xong đây là tài sản chung của bị cáo và vợ là Lù Thị S, việc bị cáo D sử dụng xe để đi mua bán cây, quả thuốc phiện chị S không biết và có đề nghị lấy lại xe mô tô nên cần tịch thu 1/2 trị giá xe mô tô và trả lại 1/2 trị giá xe mô tô cho chị Lù Thị S.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, biển kiểm soát 24V1 - 106.55 và 01 giấy đăng ký xe mô tô số 001992 mang tên Tráng A C là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước, xong đây là tài sản chung của bị cáo và vợ là Giàng Thị S, việc bị cáo C sử dụng xe để đi mua bán cây, quả thuốc phiện chị S không biết và có đề nghị lấy lại xe mô tô này nên cần tịch thu 1/2 trị giá xe mô tô và trả lại 1/2 trị giá xe mô tô cho chị Giàng Thị S.

- Đối với 01 mũ bảo hiểm thu giữ của Tráng A T không liên quan đến hành vi phạm tội, cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo T nên không đề cập giải quyết.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha không nhớ biển kiểm soát, giấy đăng ký xe đã bị mất của Đặng Kim T sử dụng vào việc mua bán cây, quả thuốc phiện, T để ở đường mòn lên đồi thuộc thôn Í, xã G, cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không thu hồi được; 01 điện thoại bị cáo T dùng để liên lạc, trao đổi với bị cáo C và người đàn ông tên là T1, bị cáo đã làm rơi mất không biết ở đâu; 01 điện thoại bị cáo Tráng A D sử dụng để liên lạc, trao đổi với người đàn ông tên là C, bị cáo đã làm rơi mất không biết ở đâu; 01 điện thoại di động của bị cáo Tráng A C sử dụng để liên lạc, trao đổi với Đặng Kim T, bị cáo đã làm rơi mất không biết ở đâu nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với người đàn ông dân tộc Mông tên là C đã bán cây, quả thuốc phiện cho các bị cáo, quá trình điều tra chưa xác định được, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

- Đối với người đàn ông tên là T1 đã liên lạc trao đổi mua bán cây, quả thuốc phiện tươi với bị cáo Đặng Kim T và người phụ nữ tên là H đi cùng một người đàn ông lạ mặt đến nhà bị cáo T để xem cây, quả thuốc phiện, quá trình điều tra chưa xác định được họ tên, địa chỉ nên khi nào làm rõ sẽ sử lý sau.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Tráng A D, Tráng A C (tên gọi khác Tráng A Đ), Tráng A T, Tráng A G, Đặng Kim T phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma túy".

Căn cứ điểm m khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Tráng A D 07 (bẩy) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/3/2019 ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Tráng A C (tên gọi khác Tráng A Đ) 07 (bẩy) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/3/2019 ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Tráng A T 07 (bẩy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/3/2019 ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Tráng A G 07 (bẩy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/3/2019 ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Đặng Kim T 07 (bẩy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/3/2019 ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 6,90kg quả thuốc phiện tươi; 36,50kg thân, lá, rễ cây thuốc phiện tươi còn lại sau giám định đã thu giữ của bị cáo Đặng Kim T được niêm phong trong 01 hộp caton dán kín mép bằng giấy trắng. Tại mép dán có chữ ký của người tham gia niêm phong và hình dấu trong của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn. Trên một mặt của hộp niêm phong có ghi "Vật chứng niêm phong khi chuyển vật chứng ngày 13 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn thuộc vụ Đặng Kim T cùng đồng phạm."

+ Tịch thu 1/2 trị giá xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave S biển kiểm soát 24V1-001.96, xe đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng (kèm theo 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô số 004388 mang tên Tráng A D) là công cụ, phương tiện phạm tội thu giữ của bị cáo Tráng A D sung Ngân sách nhà nước. Trả lại cho chị Lù Thị S 1/2 trị giá xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave S biển kiểm soát 24V1-001.96.

+ Tịch thu 1/2 trị giá xe mô tô nhãn hiệu ESPERO biển kiểm soát 24V1 - 106.55, xe đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng (kèm theo 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô số 001992 mang tên Tráng A C) là công cụ, phương tiện phạm tội thu

giữ của bị cáo Tráng A C sung Ngân sách nhà nước. Trả lại cho chị Giàng Thị S 1/2 trị giá xe mô tô nhãn hiệu ESPERO biển kiểm soát 24V1 - 106.55.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Tráng A D, Tráng A C (tên gọi khác Tráng A Đảng), Tráng A T, Tráng A G, Đặng Kim T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận
- TAND Tỉnh(01);
- VKSND tỉnh LC(01);
- VKSND huyện(01)
- Công an huyện(02);
- Bị cáo(05);
- Người có QLNVLQ(02);
- THAHS, THADS;
- Lưu HS, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Vĩnh Thái